PHỤ LỤC
DANH MỤC 19 THỬA ĐẤT CÔNG KHAI CHO THUÊ NGẮN HẠN
(Kèm theo Thông báo số: 32 /TB-TTCUDVC ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công)

TT	Tên cơ sở	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích sau chỉnh lý (m²)	Mục đích cho thuê	Thời hạn	Đơn giá khởi điểm (đồng/m²/năm)	Giá trị tương ứng 01 năm (đồng)
1	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 4, thôn Sông Vệ	17	297	69,9	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	690	48.231
2	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 5, thôn An Bàng	14	222	112	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	73.920
3	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 6, thôn An Bàng	8	397	139,4	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	630	87.822
4	Trường Mẫu giáo đội 3, thôn Mỹ Hòa	28	296	392,4	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	258.984
5	Trường Mẫu giáo đội 4, thôn Phú Mỹ	26	143	407,3	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	268.818
6	Trường Mẫu giáo đội 9, thôn Bách Mỹ	63	1040	960,6	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	633.996
7	Trường Mẫu giáo đội 6, thôn Năng Tây 2	23	132	1.108,4	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	731.544
8	Trường Tiểu học đội 8, thôn An Đại 2	57	364	1.159,6	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	690	800.124
9	Trường Mẫu giáo đội 1, thôn An Đại 1	56	50	57,9	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	690	39.951

TT	Tên cơ sở	Tờ BĐĐC	Số thửa	Diện tích sau chỉnh lý (m²)	Mục đích cho thuê	Thời hạn	Đơn giá khởi điểm (đồng/m²/năm)	Giá trị tương ứng 01 năm (đồng)
10	Lớp Mẫu giáo cũ, đội 10, thôn Thế Bình	37	876	229,6	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	690	158.424
11	Điểm trường Mầm non Nghĩa Hiệp, đội 3, thôn Năng Xã	46	414	816,4	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	538.824
12	Trường Mầm non Nghĩa Mỹ - Nhà số 2 Bách Mỹ	66	125	828	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	546.480
13	Trường Tiểu học Nghĩa Mỹ - điểm lẻ thôn Bách Mỹ	67	90	1.568,6	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	1.035.276
14	Trường Mầm non đội 6, thôn Phú Mỹ	27	139	613,2	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	404.712
15	Trường Mẫu giáo Bách Mỹ	66	471	206,3	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	136.158
16	Trường Mẫu giáo đội 2, thôn Mỹ Hòa	29	98	360	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	660	237.600
17	Điểm trường Mẫu giáo ở KDC số 7, thôn Vạn Mỹ	10	392	190,2	Sản xuất nông nghiệp	01 năm	690	131.238
18	Trạm y tế thôn Hải Môn	43	834	679,4	Thương mại, dịch vụ	01 năm	14.400	9.783.360
19	Trường Mầm non đội 5, thôn Năng Xã	47	1535	565,3	Thương mại, dịch vụ	03 năm	6.000	3.391.800